

XU THẾ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP Ở TP.HCM TRONG SỰ BIẾN ĐỔI CƠ CẤU NGÀNH

Thạc sĩ NGUYỄN QUỐC TÙNG

Công nghiệp là ngành kinh tế trọng yếu hiện nay ở TP.HCM hàng năm đã tạo ra trên 40% giá trị GDP ở địa bàn TP, chiếm khoảng 1/3 sản lượng công nghiệp cả nước. Ngành xuất khẩu công nghiệp hiện thu hút nhiều lao động nhất (56,8%) ở địa bàn TP. Chuyển qua cơ chế thị trường, ngành công nghiệp vừa phải sắp xếp lại để thích nghi vừa phát triển, mở rộng những ngành cần thiết. Do đó, bên cạnh những ngành, những thành phần kinh tế có tốc độ tăng trưởng và phát triển cao cả 2 mặt bề rộng lẫn chiều sâu, thì cũng có những ngành, những thành phần, kinh tế tăng trưởng chậm hoặc suy giảm hoặc thậm chí phá sản. Điều này, âu cũng là lẽ đương nhiên trong qui luật phát triển của nền kinh tế thị trường.

Song nhìn chung suốt trong chặng đường 10 năm đổi mới, đặc biệt là giai đoạn 1991 - 95, đánh dấu một bước ngoặt, mở đầu cho thời kỳ tăng trưởng cao và phát triển nhanh của ngành SXCN trên địa bàn TP nói riêng và cả nước nói chung. Xu thế tăng trưởng và phát triển ổn định đang là tiền đề tốt đẹp cho chặng đường CNH, HĐH đất nước.

Nếu chuyển dịch cơ cấu kinh tế là đặc điểm bao trùm của quá trình CNH, mà theo quan điểm chính thống thì chuyển dịch cơ cấu là kết quả của tích lũy và tăng thu nhập đầu người, nhưng theo quan điểm cấu trúc luận thì quan điểm mới chuyển dịch cơ cấu là nguyên nhân của sự tăng trưởng. Công nghệ là nhân tố đặc biệt quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu, hay nói một cách rộng rãi là: xu thế phát triển sản xuất công nghiệp là động lực chính của quá trình biến đổi cơ cấu kinh tế ở nước ta nói chung và ở TP.HCM nói riêng.

Chúng ta sẽ phân tích tác động của sự phát triển SXCN đến sự biến đổi cơ cấu kinh tế trên địa bàn, trước hết xét đến sự biến đổi cơ cấu ngành công nghiệp theo các khía cạnh sau đây:

a. Xu thế chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp, cơ cấu trong GDP, phân theo khu vực kinh tế.

b. Chuyển dịch cơ cấu theo thành

phần kinh tế.

c. Chuyển dịch cơ cấu lao động, giới tính.

d. Chuyển dịch cơ cấu đầu tư.

e. Chuyển dịch cơ cấu thu nhập các tầng lớp dân cư - cuộc sống v.v...

Nhìn chung, mấy năm gần đây, công nghiệp có sự chuyển dịch đáng kể và khởi sắc, dường như có sự hòa nhập chung vào hiện tượng phổ biến của thế giới, nhưng chưa phải là sự chuyển biến về chất. Về lâu dài phải cải tạo cơ cấu kinh tế, phải làm cho công nghiệp tăng trưởng mạnh, kéo theo sự tăng trưởng các dịch vụ và thực ra đó mới là nhân tố chủ yếu để tăng trưởng kinh tế ổn định, thay đổi chất.

Và lại, khi mà nền kinh tế đang tăng cường tính liên kết, thì việc thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa càng trở nên cấp bách hơn, nguồn công nghệ ngoại nhập phải được coi là chiến lược phát triển kinh tế dựa trên nền tảng phát triển công nghệ nông nghiệp, làm cho các sản phẩm công nghiệp VN có khả năng chiếm lĩnh thị trường quốc tế ngoài các sản phẩm truyền thống thủ công mỹ nghệ. Chúng ta sẽ khảo sát xem sự dịch chuyển cơ cấu nội bộ ngành SXCN của địa bàn TP.HCM và so sánh với bức tranh SXCN của cả nước.

a. Xu thế chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế.

trong GDP TP, thế nhưng suốt trong thời kỳ 90-94 hầu như không có biến động mấy về cơ cấu trong khu vực kinh tế. Điều này, chứng tỏ ngành SXCNTP gặp không ít khó khăn do thiếu vốn, công nghệ, con người để tạo bước ngoặt đột phá tăng trưởng tỷ trọng cơ cấu GDP bằng cách thâm dụng công nghệ, tạo ra chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH. Tại sao ngành SXCN TP có tốc độ tăng trưởng cao, liên tục trong nhiều năm song vẫn chưa làm thay đổi mấy về cơ cấu? Điều này có thể lý giải như sau:

- Giai đoạn 90 - 95 vẫn vận dụng phép lợi thế so sánh về nhân công để tăng sản lượng công nghiệp hướng về xuất khẩu, dùng loại công nghệ nhập "thâm dụng lao động" phù hợp với hoàn cảnh hiện tại, tăng tích lũy tái đầu tư sản xuất, chuẩn bị cho giai đoạn sau "cắt cánh".

Chúng ta có thể thấy rõ số liệu trong bảng 2 nói chung sự chuyển dịch trong nội bộ ngành cũng chưa rõ, cho dù một số ngành có tốc độ tăng trưởng cao. Điều này cũng khẳng định rõ, ngành SXCNTP vẫn trong giai đoạn sử dụng công nghệ ở trình độ lạc hậu, hàng hóa sản xuất có chất lượng trung bình, chỉ phát triển bề rộng chưa khẳng định mức phát triển bề sâu. Nhìn toàn cục, trên bình

Bảng 1 Cơ cấu SXCN

	1990	1991	1992	1993	1994
Tốc độ tăng trưởng GDP TP.HCM (%)		9,10	11,60	12,50	14,60
Tỷ trọng % công nghiệp địa bàn TP trong GDP TP.HCM	42,03	41,29	39,24	41,61	41,70
Tốc độ tăng trưởng GDP cả nước (%)		6,00	8,60	8,10	8,50
Tỷ trọng % công nghiệp trong GDP cả nước		19,3	20,6	22,30	29,30

Nguồn: Cục TK TP, Niên giám TKVN 1995

Chúng ta có thể thấy trong bảng 1 tốc độ tăng trưởng công nghiệp TP đều cao và cao hơn cả mức tăng trưởng chung của cả nước, chiếm tỷ trọng trên 40%

diện cả nước, chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp có diễn biến tốt đẹp nhất là 2 năm gần đây. SXCN đã có tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế chung.

Bảng 2 Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành SXCN

	1990	1991	1992	1993	1994
Toàn bộ ngành công nghiệp địa bàn TP					
Tốc độ tăng trưởng (a)		12,60	14,80	17,76	18,50
Tỷ trọng % công nghiệp (b)	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Công nghiệp khai thác mỏ (a)			0,15	2,85	31,10
				0,13(b)	0,14
Công nghiệp chế biến (a)			80,47	4,60	29,90
				86,91(b)	85,95
Phân phối điện và khí đốt (a)			4,90	0,95	8,10
				4,27(b)	3,94
Một số ngành chế biến chủ yếu dệt (a)		22,50	16,40	11,30	10,32
			11,60	11,08(b)	9,62
SX thực phẩm đồ uống (a)		9,75	19,02	16,90	10,00
			23,28	19,61(b)	19,08
Hóa nhựa		13,78	20,18	72,70(a)	22,20
			8,30	7,82(b)	7,12

Đầu tư nước ngoài trong 2 năm gần đây chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp, trên 60% dự án tập trung vào SXCN có tính then chốt làm động lực lôi kéo phát triển các ngành công nghiệp khác. Nhiều tập đoàn danh tiếng về công nghiệp của thế giới đã có mặt tại VN như: Toyota, Chrysler, Ford, Siemens, Mobil, P & G, Total, GM, Mishubishi, Samsung, Mercedes, Hyundai, Daewoo, IBM, v.v... Đây cũng là tín hiệu đáng mừng, các luồng công nghệ ngoại, hiện đại sẽ được đưa vào VN, chắc chắn các yếu tố công nghệ nước ngoài sẽ giúp cho nền SXCNVN đột phá, lột xác đi tất, đổi đầu rút ngắn khoảng cách với các nước trong vùng, tạo thay đổi về "chất" tốc độ phát triển nền công kỹ nghệ TP.HCM nói riêng và cả nước nói chung.

b. Chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế

Bảng 4

DVT: người

Loại hình doanh nghiệp	Lực lượng lao động trong doanh nghiệp					
	Tổng toàn bộ LĐ		Lao động nam		Lao động nữ	
	Tổng số	B/q	Tổng số	B/q	Tổng số	B/q
DNNN	942	94,2	445	47,2	497	52,76
Cty TNHH	762	47,6	408	53,54	354	46,46
DN tư nhân	77	25,7	51	66,2	26	33,77
Nhóm KD, HTX TSX	287	37,5	135	47,04	152	52,96
Cá nhân KD, hộ gia đình KD	108	9,8	66	61,11	42	38,89
Tổng số	2.176	42,7	1.105	50,78	1.071	49,22

mức 9 tới 10% thời kỳ 1991 - 1994.

Sơ bộ ta có nhận xét:

* Cả 3 khối suốt trong giai đoạn mở cửa có tốc độ tăng trưởng cao, nhưng vẫn chưa thể hiện rõ được sự

Bảng 3

	1990	1991		1992		1993		1994	
	Tỷ trọng (%)	Tỷ trọng %	Tăng trưởng (%)	Tỷ trọng %	Tăng trưởng (%)	Tỷ trọng %	Tăng trưởng (%)	Tỷ trọng %	Tăng trưởng (%)
Toàn ngành công nghiệp ở địa bàn TP	100	100		100		100		100	
Khu vực quốc doanh			14,06	59,73	16,10	58,40	16,41	57,50	16,41
Khu vực ngoài quốc doanh			16,40	31,80	14,50	32,90	21,90	32,52	18,60
Khu vực liên doanh nước ngoài				8,40		8,70	14,91	9,98	35,27

Nguồn: Niên giám TK TP 1994

Bảng 3 cho ta thấy, khu vực kinh tế QD chiếm gần 60% cho dù tốc độ tăng trưởng không cao bằng khối ngoài QD. Mức bình quân của khối QD trong giai đoạn 1991 - 1994 khoảng 15,74% trong khi đó khối ngoài quốc doanh tăng mức bình quân = 17,85% ở cùng giai đoạn. Tỷ trọng khối ngoài QD chiếm trên 30%. Khu vực LD nước ngoài có tốc độ tăng trưởng cao, nhất là trong năm 1994 đạt tới 35,27%, tuy vậy tổng SLSXCN vẫn hãy còn chiếm vị trí khiêm tốn, ở

dịch chuyển cơ cấu mang đậm nét về "chất" có tác dụng "lột xác" được nền SXCN ở địa bàn.

* Khối kinh tế QD vẫn đóng vai trò chủ lực trong việc đóng góp vào tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của ngành SX công nghiệp trên địa bàn.

* Ngành công nghiệp trong nước vẫn là vai trò chủ lực, công nghiệp liên doanh với nước ngoài là quan trọng.

c. Cơ cấu lao động giới tính

Chúng tôi có tiến hành thử điều tra mẫu trong 61 doanh nghiệp SX nhựa trên địa bàn TP, kết quả được thể hiện bảng 4 sau đây:

Ta thấy:

- Khối QD thu hút nhiều lao động hơn khối quốc doanh, ngoài quốc doanh chiếm 56,71%; quốc doanh: 43,29%

- Khối quốc doanh, lao động nữ chiếm 52,76%

- Khối ngoài quốc doanh lao động nữ ít hơn lao động nam. Sơ bộ bức tranh cơ cấu lao động, giới tính ở đây chưa thể phản ánh được gì sâu sắc hơn, muốn có nhận định xác đáng cần có diện điều tra ở qui mô rộng, chi tiết hơn. Giả dụ như xác định các đặc tính giới tính, loại ngành nghề, loại hình công nghiệp, đặc thù từng ngành v.v...mà ở đó nó phản ánh được

NSLĐ, hiệu quả SX, tính thích hợp, thích nghi của giới tính v.v...để bố trí lao động.

Nếu xét sự chuyển dịch cơ cấu lao động trong nội bộ ngành công nghiệp

và so với các khu vực kinh tế khác ta có bảng thống kê sau đây: (bảng 5 trang sau)

Số liệu bảng 5 cho thấy:

- Chưa có chuyển dịch lớn trong cơ cấu lao động giữa các ngành kinh tế. Cơ cấu kinh tế thành phố đang diễn ra theo hướng: dịch vụ thương mại - công nghiệp - nông nghiệp. Như vậy, TP ta đang ở chặng đầu của giai đoạn CNH, ngành TM- DV chiếm số lao động lớn song chưa phản ánh được

Bảng 5

	1990	1991		1992		1993		1994	
	Tỷ trọng %	Tỷ trọng %	Tốc độ	Tỷ trọng %	Tốc độ	Tỷ trọng %	Tốc độ	Tỷ trọng %	Tốc độ
LD trên TP	100	100	1,834	100	2,3	100	1,83	100	1,01
I Ngành CN lao động	39,7	38,8	0,1	38,3	1,12	38,1	1,11	38,2	1,007
II ngành TM - DV lao động	48,8	45,4	1,29	45,8	3,30	46,2	2,66	46,5	3,08
III Ngành nông nghiệp lao động	15,7	15,8	1,244	15,9	2,76	15,8	1,08	14,19	1,7

Nguồn: Niên giám thống kê TP 1994

sự chuyển mình ở giai đoạn CNH có trình độ cao, bởi lẽ TM - DV ở trình độ thấp mà các loại hình TM - DV cao cấp như ngân hàng, tín dụng, tư vấn, vận tải, kỹ thuật, chứng khoán, thông tin v.v... hầu như mới phôi thai, hoạt động ở giai đoạn ban đầu.

d. Chuyển dịch cơ cấu đầu tư

ngành nhựa đã lên ngôi và đánh bại hàng ngoại về mặt hàng gia dụng ngay trên địa bàn TP và một số tỉnh trong cả nước.

e. Cơ cấu thu nhập các tầng lớp dân cư - chất lượng đời sống

Phát triển SXCN có tác động to lớn đến quá trình phát triển kinh tế nổi chung và điều đó khẳng định

Bảng 6: Cơ cấu đầu tư ở TP.HCM

	1990	1991	1992	1993	1994
Vốn đầu tư XDCB	100	100	100	100	100
Đầu tư cho ngành công nghiệp	44,42	29,13	41,08	36,83	34,36

Xét cơ cấu đầu tư của ngành công nghiệp thì ngành này chiếm tỷ trọng cao trong toàn bộ vốn đầu tư XDCB ở địa bàn. Điều này, về lâu về dài sẽ cho phép nền kinh tế chuyển dịch cơ cấu theo hướng CNH, HĐH. Số liệu bảng 6 cho ta nhận xét là ngành công nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong quá trình phát triển và tăng trưởng kinh tế trên toàn địa bàn TP.

Chúng tôi tiến hành điều tra mẫu 61 xí nghiệp ngành nhựa trên địa bàn, kết quả cho ở bảng 7 sau đây:

đời sống của các tầng lớp dân cư đã được cải thiện đáng kể. Cơ cấu tầng lớp nghèo khó giảm dần qua các năm: năm 1994 so với 1991 thì lớp nghèo khó đã giảm xuống được 3,5 lần.

- Mức sống trung bình khá và khá, rất khá đều tăng lên suốt trong giai đoạn 91 - 94. Số hộ giàu và khá giả, riêng 1994 đã chiếm 1/5 toàn bộ gia đình sống trên địa bàn. Nếu lấy bình quân 1 hộ gia đình ở VN hiện tại là 6 người (theo TCTK 1994) thì TP.HCM có khoảng 840.000 hộ và số hộ giàu và trên

với Hà Nội và 1,93 lần so với Hải Phòng (theo số liệu điều tra giàu nghèo của TCTKVN 1993). Tiềm nghi sinh hoạt các hộ gia đình năm sau cao hơn năm trước, từ 1990 - 1994 bình quân hàng năm tăng 13 - 15%. Riêng năm 1994 của 100 hộ gia đình thì có 71,3 hộ TV; 33 hộ có video, 63 hộ có xe máy, 24,7 hộ có máy lạnh, máy giặt. Chỉ tiêu nhà ở ngày càng tăng, hàng năm tăng bình quân từ 5 - 7%.

Nói tóm lại phát triển sản xuất CN trên cơ sở đổi mới công nghệ đã tạo ra năng suất vượt trội, do đó thúc đẩy tăng trưởng đi đôi với chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Điều này đang được hình thành rõ nét những năm gần đây trên địa bàn TP.HCM. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với việc phát triển đã làm thay đổi bộ mặt TP.HCM, nhiều người nước ngoài sau vài năm trở lại đều "ngỡ ngàng" trước sự đổi thay kỳ diệu đó và thừa nhận TP nói riêng và cả nước nói chung đang đi đúng hướng, củng cố vị trí của mình và tăng thêm lòng tin cho bạn bè trên khắp thế giới.

Qua những bài học thành công và chưa thành công trong quá trình phát triển ở các nước châu Á - Thái Bình Dương, nhiều nhà kinh tế và xã hội khẳng định rằng: nhược điểm của các nước "đi sau" vẫn là tri thức liên quan đến vấn đề phát triển nền công nghiệp dựa trên yếu tố "công nghệ" và kinh tế. Con đường quyền lực không thể còn dựa vào nguyên liệu, gân cốt con người mà phải là sử dụng "trí". Nếu không thấu triệt vai trò phát triển SX công nghiệp trên cơ sở công nghệ và tri thức trong hệ thống sáng tạo của cải thì mọi chiến lược phát triển kinh tế đều gặp khó khăn lớn.

Nếu biết tiếp thu tốt những bài học trong quá trình phát triển của các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, tận dụng được hết nguồn vốn công nghệ nước ngoài và tri thức khoa học, khai thác truyền thống tích cực, biết tự đổi mới, ngành SXCN chắc chắn sẽ có đóng góp to lớn trong phát triển kinh tế trên địa bàn.

Bảng 7:

Loại hình doanh nghiệp	1990 - 1995			
	Vốn đầu tư XDCB		Vốn đầu tư MMTB	
	Tổng số	%	Tổng số	%
DNNN	13.333	39,72	14.747	14,51
Cty TNHH	7.617	22,69	37.126	36,54
DNTN	6.720	20,09	3.400	3,35
Nhóm KD, TSX	5.320	15,58	43.097	42,42
Cá nhân KD, hộ GB	574	1,71	3.230	3,18
Tổng cộng	33.564	100	101.600	100

Số liệu trong bảng 7 xác định rằng nguồn vốn được huy động đưa vào SXCN của khối ngoài QD rất lớn, chiếm tới 2/3 trong XDCB và trong đầu tư mua MMTB chiếm tới 86%. Điều này rất phù hợp với tốc độ tăng trưởng của toàn ngành nhựa trong giai đoạn 1990 - 1994, đạt trung bình 25 - 30%. Vì khối lượng đầu tư lớn như vậy, cho nên

mức giàu có là: 179.769 hộ. Nếu lấy hộ giàu 1994 so với 1991 thì tăng lên 3,56 lần, cơ cấu này ở TP.HCM cao hơn gấp 2 lần so với cả nước (cả nước mức giàu chỉ khoảng 4,1%). Điều này còn phản ánh chỉ tiêu GDP/người của TP cao gấp 4 lần so với cả nước. Mức chỉ tiêu trung bình/tháng của dân TP qua các năm đều tăng lên. Mức thu nhập B/q của TP cao gấp 1,38 lần so